TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HS-ST
Ngày 29 - 01 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Bà Phạm Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đàm Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Danh Thị T, sinh ngày 29/12/1983 tại tỉnh Cà Mau.

Căn cước công dân số: 096183017107.

Nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Khơme; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị D; Có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/12/2024 đến ngày 25/01/2025 được thay thế biện pháp bảo lĩnh, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Võ Bé N là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C, (có mặt).

2. Họ tên: Phan Minh L, sinh ngày 22/02/2002 tại tỉnh Cà Mau.

Căn cước công dân số: 096202010379.

Nơi cư trú: Ấp T, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Minh T1 và bà Đoàn Thúy K; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xử 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 26/HS-ST, đã chấp hành xong hình phạt và

các khoản thi hành án, bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/12/2024 đến ngày 19/12/2024 chuyển tạm giam cho đến nay, (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Lâm Ngọc N1, sinh ngày 15/10/2010, (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096310009662.

Người đại diện hợp pháp cho Lâm Ngọc N1: Ông Lâm Thanh T2 và bà Lê Kiều L1. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau, (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Lâm Ngọc N1: Bà Nguyễn Thị T3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh Thị T là chủ quán K2 tại ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau, khoảng 16 giờ ngày 09/12/2024, T liên hệ với Bùi Thế H xuống quán của T để mừng khai trương. H đồng ý và dặn T sắp xếp cho H một phòng và chuẩn bị sẵn ma túy cho H sử dụng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H cùng Nguyễn Văn T4 đến quán và được T sắp xếp vào phòng Vip 2. Do không mua được ma túy dạng khay và kẹo nên T kêu H sử dụng ma túy đá thì H đồng ý. Sau đó T kêu Lâm Ngọc N1 liên hệ mua ma túy đá và nỏ thủy tinh để H sử dụng, sau khi N1 liên hệ mua ma tuý xong N1 nhờ Phan Minh L nhận ma túy đưa vào phòng cho H sử dụng. Khoảng 40 phút sau, N1 kêu L đi ra trước quán nhận ma túy, L đi ra phát hiện bịch nilon đựng ma tuý và nỏ thuỷ tinh để dưới nền gạch trước quán, L lấy bịch nilon đựng ma túy, nỏ thuỷ tinh và tìm thêm 01 chai nhựa có khoét sẵn 02 lỗ, 01 lỗ có gắn ống hút nhựa, L đem tất cả vào phòng cho H, H sử dụng ma túy tại phòng V1 thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Tại kết luận giám định số: 679/KL-KTHS ngày 17/12/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh C, thể hiện: "Chất màu trắng (dạng bám bụi) bên trong quả cầu và ống thủy tinh được niêm phong trong bì thư hình chữ nhật kí hiệu M1/2024 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0181gam, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT–VKS ngày 19/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau truy tố bị cáo Danh Thị T, Phan Minh L về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố các bị cáo phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Danh Thị T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, xử phạt bị cáo Phan Minh L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) Phong bì hoàn mẫu số: 679/KL-KTHS ngày 17/12/2024 được niêm phong kín.

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa có nắp đậy màu vàng, trên nắp có gắn một đoạn ống nhựa.

- Trả lại cho bị cáo T:

+ 01 (một) đầu thu camera, đầu máy DIGITAL VIDEO RECORDER nhãn hiệu @hua Technology được niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo L:

+ 01 (một) điện thoại di động màu cam, gắn sim số 0819435052.

- Trả lại cho Lâm Ngọc N1 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, không gắn sim,

- Tịch thu sung quỹ: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, gắn sim số 0944199596 của bị cáo T.

- Tiếp tục giao cho P Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau quản lý: 01 phong bì niêm phong có chữ ký, chữ viết tên Trịnh Quốc T5, Trần Phương V và các hình dấu trong đóng giáp lai của Phòng K3 Công an tỉnh C

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, là người dân tộc nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo có nhiều người thân có công với cách mạng, bản thân đang mắc bệnh nặng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Lâm Ngọc N1 trình bày: Khi thực hiện hành vi N1 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không khởi tố là phù hợp, quá trình điều tra có thu giữ của N1 01 điện thoại hiệu OPPO, không có sim, N1 và người đại diện của N1 là ông T2, bà L1 yêu cầu được nhận lại điện thoại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bị cáo T và bị cáo L trình bày: Về hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với Lâm Ngọc N1, ông Lâm Thanh T2, bà Lê Kiều L1, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của các đương sự này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: Ngày 09/12/2024 bị cáo T và bị cáo L đã thực hiện hành vi chuẩn bị địa điểm, cung cấp dụng cụ, chất ma túy nhằm mục đích tổ chức cho Bùi Chí H1 sử dụng chất ma túy.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Lâm Ngọc N1, Bùi Chí H1, Nguyễn Văn T4, phù hợp với kết luận giám định và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, là nguyên nhân phát sinh các loại tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung.

Quá trình thực hiện hành vi các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc kế hoạch, phân công vai trò cụ thể nên trường hợp phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xác định bị cáo T có vai trò quan trọng hơn do bị cáo T chủ động phân công người chuẩn bị địa điểm, ma túy, bị cáo L là người giúp sức cho bị cáo T mang ma túy, chuẩn bị dụng cụ mang vào cho H1 sử dụng ma túy, từ đó Hội đồng xét xử xem xét, quyết định mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên đối với bị cáo L năm 2021, bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau) xử phạt 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, mặc dù không phải là tình tiết tăng nặng nhưng cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo chưa cao.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo T có bà cô là Danh Thị T6, cô ruột là Danh Thị Hồng Á, cậu ruột là Lâm Văn Đ là người có công với cách mạng, bản thân là người dân tộc, nhận thức pháp luật hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, gắn sim số 0944199596 của bị cáo T, đây là phương tiện bị cáo liên hệ với H1 để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ.

- 01 (một) đầu thu camera, đầu máy DIGITAL VIDEO RECORDER nhãn hiệu @hua Technology được niêm phong, đây là tài sản của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

- 01 (một) điện thoại di động màu cam, gắn sim số 0819435052 của bị cáo L không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo L.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, không gắn sim của Lâm Ngọc N1, quá trình điều tra xác định đây là điện thoại của cha mẹ N1 mua cho N1 sử dụng, do đó trả lại điện thoại này cho N1 là phù hợp, ông T2, bà L1 đại diện nhận.

- 01 (một) Phong bì hoàn mẫu số: 679/KL-KTHS ngày 17/12/2024 được niêm phong kín bên trong là 01 ống thủy tinh (dạng nỏ hút có một đầu hình quả cầu, bên trong quả cầu và ống thủy tinh có bám dính dạng bám bụi chất màu trắng. Đây là mẫu vật hoàn lại sau giám định thuộc đối tượng cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa có nắp đậy màu vàng, trên nắp có gắn một đoạn ống nhựa, đây là dụng cụ bị cáo L chuẩn bị cho H1 sử dụng ma túy, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký, chữ viết tên Trịnh Quốc T5, Trần Phương V và các hình dấu trong đóng giáp lai của Phòng K3 Công an tỉnh C gồm:

+ 01 bản ảnh giám định.

+ 01 USB màu xanh, nhãn hiệu Kingston, dung lượng 2GB lưu trữ 05 tập tin video: lúc K1 lại đưa ma túy.mp4", dung lượng 25.5M; lúc K1 lại đưa nỏ.mp4", dung lượng 66MB; lúc K1 lại đưa ma túy (2).mp4" dung lượng 97.9MB; lúc K1 lại đưa nỏ (2).mp4", dung lượng 100MB; lúc K1 lại đưa ma túy (trong nhà).mp4" dung lượng 24.3MB; 01 túi niêm phong mã số NS4 23030258, bên ngoài có chữ lý, chữ viết "Trần Phương V", "Danh Thị T", "Võ Bé N".

Xét thấy đây là vật chứng trong vụ án Mua bán trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án và có Quyết định tách vụ án số 10736/QĐ-CSMT ngày 22/10/2025 để tiếp tục xác minh điều tra, không có liên quan đến vụ án này, do đó Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho P Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau tiếp tục quản lý và sẽ được xử lý trong vụ án Mua bán trái phép chất ma túy nêu trên.

[6] Đối với Lâm Ngọc N1 là người liên hệ mua ma túy theo yêu cầu của bị cáo T là hành vi đồng phạm về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi N1 mới 14 tuổi 01 tháng 24 ngày (sinh ngày 15/10/2010), chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với N1 là đúng quy định.

Đối với Bùi Chí H1 có hành vi sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng chưa cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Bùi Chí H1 là đúng quy định.

Đối với Đoàn Trung K1: Theo lời khai của Lâm Ngọc N1 thì N1 liên hệ với K1 mua ma tuý, K1 không thừa nhận, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ chứng minh K1 bán ma tuý vào ngày 09/12/2024 như N1 đã khai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách vụ án mua bán trái phép ma túy để tiếp tục xác minh điều tra là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với Nguyễn Văn T4 cùng với H1 đến quán của bị cáo T nhưng không tham gia tổ chức hoặc sử dụng ma túy cùng với H1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với T4 là phù hợp.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ, được chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm:

- Bị cáo L phải chịu 200.000 đồng.

- Bị cáo T được miễn do thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặt biệt khó khăn.

[9] Về quyền kháng cáo: Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; Điều 47; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Danh Thị T, Phan Minh L phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

2. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Danh Thị T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 10/12/2024 đến 25/01/2025.

- Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Minh L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/12/2024.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) Phong bì hoàn mẫu số: 679/KL-KTHS ngày 17/12/2024 được niêm phong kín.

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa có nắp đậy màu vàng, trên nắp có gắn một đoạn ống nhựa.

- Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) đầu thu camera, đầu máy DIGITAL VIDEO RECORDER nhãn hiệu @hua Technology được niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo L: 01 (một) điện thoại di động màu cam, gắn sim số 0819435052.

- Trả lại cho Lâm Ngọc N1 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, không gắn sim, ông Lâm Thanh T2 và bà Lê Kiều L1 đại diện nhận.

- Tịch thu sung quỹ: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, gắn sim số 0944199596 của bị cáo T.

- Tiếp tục giao cho P Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau quản lý 01 phong bì niêm phong có chữ ký, chữ viết tên Trịnh Quốc T5, Trần Phương V và các hình dấu trong đóng giáp lai của Phòng K3 Công an tỉnh C.

(Hiện vật chứng do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/11/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau).

4. Về án phí:

- Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Bị cáo T được miễn.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Lâm Ngọc N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Lâm Ngọc N1, ông Lâm Thanh T2, bà Lê Kiều L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 - Cà Mau;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm